

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CĐ
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HS-ST

Ngày: 10-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Út

Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2022/TLST- HS ngày 19 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Công D; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1987; Tại: T; Nơi cư trú: ấp Bình Khương 1, xã BPN, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; Giới Th: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn Ứng và bà: Nguyễn Thị Thu Thủy; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Ngân; Con: 02 người, sinh năm 2012 và 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/8/2022 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh Đỗ Đức H, sinh năm: 1982 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Đỗ Minh L, sinh năm: 1957 (cha ruột người bị hại - có mặt) và Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm: 1958 (mẹ ruột người bị hại - vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Gò Xoài, xã TT, thị xã Gò Công, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Trung T
sinh năm: 1979 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Thanh Lạc Đông, xã Thanh Nhựt, huyện GCT, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 31/5/2022, Trần Công D có giấy phép lái xe hạng D, điều khiển xe ô tô con biển số 63A-096.24, lưu thông trên Quốc lộ 50, hướng từ cầu Mỹ Lợi, xã Phước Đông, huyện CD, tỉnh LA đi Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này, D điều khiển xe với tốc độ 50km/h. Khi đến đoạn đường thuộc Ấp 5, xã Phước Đông, D thấy phía trước cùng chiều cách khoảng 10 m có 01 xe mô tô biển số 63B6 – 506.21 do anh Đỗ Đức H điều khiển lưu thông. Lúc này, D không có báo hiệu xin vượt mà cho xe vượt bên trái xe mô tô do anh Đỗ Đức H điều khiển. Khi 02 xe cách nhau khoảng 02, thì anh H cho xe lái sang bên trái. Thấy vậy, anh D cũng đánh lái sang trái để tránh nhưng không kịp nên xe ô tô do anh D điều khiển va chạm với xe mô tô biển số 63B6 – 506.21 của anh H gây tai nạn bên phần đường xe của anh H điều khiển. Hậu quả anh H bị tử vong tại bệnh viện Nhân dân 115 vào ngày 03/6/2022.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 642/2022/KL-KTHS ngày 16/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh LA, kết luận đối với Đỗ Đức H như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định

- Bệnh nhân hôn mê sâu sau 06 giờ sau tai nạn, glasgow 3 điểm, đặt nội khí quản, thở máy, đồng tử hai bên 5mm, phản xạ ánh sáng (-).

- CT-Scan: Nứt sọ thái dương đỉnh trái. Gãy cánh lớn xương bướm trái. Sung phần mềm bán cầu trái; Tụ dịch trong xoang bướm; gãy xương cung gò má trái. Tụ máu cấp Th ngoài màng cứng vùng thái dương bán cầu trái, lớp dịch dày nhất # 30mm, gây hiệu ứng chèn ép. Đã được phẫu thuật lấy đi; Khả năng thoát vị não dưới liềm từ (T) => (P); Giảm nhẹ đậm độ nhu mô não diện rộng bán cầu trái, thương tổn thuộc vùng chi phối của động mạch giữa – sau - trước bên trái (T); Giảm đậm độ nhu mô não vùng cầu – thân não, nghi khả năng là nhồi máu não.

- Phẫu thuật phát hiện xương sọ nứt đường dài kèm nhiều mảnh vỡ vùng vùng thái dương trái; Khối máu tụ ngoài màng cứng đen, đóng bánh, khoảng 50gram.

- Sau phẫu thuật tình trạng bệnh nhân không cải thiện.

- Tử vong tại bệnh viện; Chẩn đoán: Nhồi máu não bán cầu trái - Nhồi máu thân não - Phù não - Hậu phẫu máu tụ ngoài màng cứng bán cầu trái - Dập não xuất huyết/Chấn thương sọ não.

2. Kết luận theo nội dung trung cầu giám định: Nạn nhân: Đỗ Đức H, sinh năm: 1982, tử vong do bị chấn thương sọ não nặng, đã được phẫu thuật và điều trị hồi sức tích cực nhưng không đạt kết quả

Căn cứ vào sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lập lúc 08 giờ 30 phút ngày 21/6/2022 (được dựng lại) giữa xe ô tô biển số 63A-096.24 và xe mô tô biển số 63B6-506.21 xác định: Hiện trường xảy ra tại đoạn đường thẳng, được trải nhựa, mặt đường bằng phẳng, có chiều rộng 11m, có vạch kẻ đứt quãng chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt, mỗi phần đường rộng 5,5m.

Chọn trụ km số 32+600 bên lề trái trên đường Quốc lộ 50 (theo hướng từ cầu Mỹ Lợi đi thị trấn) làm điểm mốc cố định và chọn lề bên phải theo chiều đi từ cầu Mỹ Lợi đi thị trấn) làm mép đường chuẩn để tiến hành đo đạc.

Từ trụ km số 32+600 đo theo hướng đi cầu Mỹ Lợi 01 đoạn dài 18,3m là đầu vết cày, vết cày được ký hiệu là (1).

(1) đứt quãng, có chiều dài 11,7m, có hướng từ cầu Mỹ Lợi đi thị trấn CĐ, đầu (1) và cuối (1) đo lần lượt vào mép đường chuẩn là 3,7m và 2,3m, cuối (1) trùng với góc chân phía trước xe mô tô biển số 63B6-506.21, xe mô tô biển số 63B6-506.21 ký hiệu là (2).

(2) ngã về bên trái, đầu xe hướng về cầu Mỹ Lợi, đuôi xe hướng về thị trấn CĐ, tâm trục bánh xe trước và tâm trục bánh xe sau của (2) đo lần lượt vào mép đường chuẩn là 2,1m và 2,6m. Từ tâm trục bánh xe sau của (2) đo theo hướng đi thị trấn CĐ một đoạn dài 3,1m là vùng dung dịch màu đỏ, vùng dung dịch màu đỏ được ký hiệu là (3).

(3) có kích thước 0,2m x 0,1m, tâm (3) đo vào mép đường chuẩn là 5,2m, từ tâm (3) đo theo hướng thị trấn CĐ 01 đoạn dài 39,7m là tâm trục bánh xe phía sau bên phải của xe ô tô biển số 63A-096.24, xe ô tô biển số 63A-096.24 được ký hiệu là (4).

(4) đỗ trên đường, đầu xe hướng về thị trấn CD, đuôi xe hướng về cầu Mỹ Lợi, tâm trục bánh xe phía trước bên phải và tâm trục bánh xe phía sau bên phải của (4) đo lần lượt vào mép đường chuẩn là 3,7m và 3,9m..Tại biên bản khám nghiệm xe ô tô biển số 63A-096.24, lập lúc 10 giờ 33 phút ngày 31/5/2022 xác định: Mặt ngoài của ốp đầu xe phía bên phải có vết xước màu đen (1), nhạc dần từ trước về sau, đầu vết và cuối vết cách mặt đất là 95cm; mặt ngoài của cung chắn bùn bánh xe trước bên phải có vết xước màu đen (2), nhạc dần hướng từ trước về sau, từ trên xuống dưới, đầu vết và cuối vết cách mặt đất là 94cm và 90cm, cuối vết xước cách gương chiếu hậu bên phải là 75cm, cuối vết xước (1) cách đầu vết xước(2) là 09cm.

Tại biên bản khám nghiệm xe mô tô, biển số 63B6-506.21 lập lúc 10 giờ 45 phút ngày 31/5/2022, xác định: Mặt ngoài và mặt trước của đầu tay cầm bên trái bị trầy xước; cổ xe cong từ trái qua phải; gác chân trước bên trái bị cong hướng từ trước về sau; mặt ngoài bên trái của khung nâng xe bị trầy xước dài 20cm; đèn T hiệu phía sau bên trái bị vỡ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo bị truy cứu về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng, không oan sai. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép, không ai bức cung nhục hình; Bị cáo không có ý kiến về Kết luận giám định pháp y, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo và gia đình của bị hại tự nguyện thỏa thuận, khắc phục bồi thường tiền viện phí, ma chay tổng số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông L, bà N theo quy định. Tuy nhiên hiện nay bị cáo kinh tế khó khăn, thu nhập thấp, không còn lái xe, chỉ đi làm thuê và phải chăm sóc con còn nhỏ.

Bị hại ông Đỗ Minh L và Bà Lê Thị Thanh N trình bày tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: Anh H là con ruột của ông, bà. Ngày 30/01/2022, anh Đỗ Đức H điều khiển xe mô tô biển số 63B6 – 506.21 đi từ nhà lên Thành Phố Hồ Chí Minh. Sau đó ông, bà nghe tin H bị tai nạn và tử vong sau đó. Sau khi xảy ra tai nạn, Trần Công D đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường tiền viện phí, ma chay số tiền 100.000.000 đồng. Ông, bà đã làm đơn không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Công D. Tại phiên tòa, ông L yêu cầu bị cáo D bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông L, bà N theo quy định. Đối với xe mô tô biển số 63B6 – 506.21 của H, ông đã nhận lại và không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Trung T trình bày: Ngày 31/5/2022, anh có kêu Trần Công D có giấy phép lái xe hạng D, điều khiển xe ô tô con biển số 63A-096.24, lưu thông trên Quốc lộ 50, hướng từ

cầu Mỹ Lợi, xã Phước Đông, huyện CD, tỉnh LA đi Thành phố Hồ Chí Minh rước khách. Sau đó D điện thoại báo D gây tai nạn giao thông, sau đó người bị tai nạn chết. Anh có bỏ ra 80.000.000đồng cùng D lo viện phí, ma chay cho người bị hại. Anh không yêu cầu D trả lại mà để anh và D tự giải quyết. Đối với xe ô tô con biển số 63A-096.24, anh đã nhận lại nên không có yêu cầu gì.

Bản Cáo trạng số: 40/CT-VKS ngày 17/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CD, tỉnh LA truy tố bị cáo Trần Công D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Trần Công D đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Công D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại và gia đình bị hại có đơn đề nghị không xử lý hình sự đối với bị cáo. Ngoài ra, cha của bị cáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế về vang tại Cam pu Chia được Chủ tịch Nước tặng thưởng hạng ba; bị cáo là lao động chính trong gia. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Công D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 đến 03 năm. Cấm bị cáo hành nghề lái xe 01 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Tiền viện phí, ma chay bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại. Gia đình người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét đề cập. Tại phiên tòa, ông L yêu cầu bị cáo D bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông L, bà N theo quy định, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, việc bị cáo bị truy tố về hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là không oan, không sai; bị cáo không có ý kiến về tội danh và hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị. Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để chăm sóc các con và có điều kiện kiếm việc làm có tiền bồi thường cho ông L, bà N.

Ý kiến của ông L: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo D được hưởng án treo. Và xin không cấm bị cáo hành nghề lái xe.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình anh H. Xin Hội đồng

xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 31/5/2022, Trần Công D có giấy phép lái xe hạng D, điều khiển xe ô tô biển số 63A-096.24, lưu thông trên Quốc lộ 50 hướng từ cầu Mỹ Lợi, xã Phước Đông đến thị trấn CD, huyện CD. Khi đến đoạn đường thuộc Ấp 5, xã Phước Đông, huyện CD, D không tuân thủ luật giao thông đường bộ, cho xe vượt không đảm bảo an toàn dẫn đến va chạm với xe mô tô biển số 63B6-506.21 do anh Đỗ Đức H điều khiển gây tai nạn làm anh H tử vong.

Nguyên nhân xảy ra tai nạn do bị cáo Trần Công D điều khiển xe ô tô vượt không đảm bảo an toàn đã vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ, gây tai nạn làm chết 01 người.

Khoản 1, khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ quy định:

“1. Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi; trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có T hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải. ”

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Công D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1, Điều 260 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

...”

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Công D đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo Trần Công D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

[3] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu, các con bị cáo còn nhỏ; bị cáo là lao động chính có thu nhập lo cho gia đình; cha của bị cáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế về vang tại Campuchia được Chủ tịch Nước tặng thưởng hạng ba; bà nội của bị cáo - bà Trần Thị Sáu là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng; đại diện người bị hại có đơn đề nghị không xử lý hình sự với bị cáo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] *Xét hình phạt*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây hậu quả chết người. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để đảm bảo sức răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên thấy bị cáo đang có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích ở mục [3]; đại diện người bị hại xin cho bị cáo hưởng án treo và xét thấy bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP: Có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và nơi làm việc ổn định, có khả năng tự cải tạo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự; và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, tạo môi trường tốt để bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống nên áp dụng Điều 65 của Bộ Luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo.

[5] *Xét trách nhiệm dân sự*: Đối với tiền viện phí, ma chay giữa bị cáo và gia đình người bị hại đã thỏa thuận xong, không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa, ông L yêu cầu bị cáo D bồi thường

tiền tổn thất tinh thần cho ông L, bà N theo quy định là phù hợp. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 584, 585, 591 của Bộ Luật Dân Sự. Buộc Trần Công D bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông L, bà N 24 tháng lương cơ sở, thành tiền là 35.760.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[6] *Về vật chứng, tang vật của vụ án*: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có tạm giữ và đã trả lại xe cho chủ sở hữu là phù hợp.

[7] *Về án phí*: Bị cáo Trần Công D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố:

Bị cáo Trần Công D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Trần Công D: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/11/2022.

Giao bị cáo Trần Công D cho Ủy ban nhân dân xã BPN, huyện C, tỉnh T theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo (bị cáo D) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo (bị cáo D) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của

bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Cấm bị cáo Trần Công D lái xe hạng D 01 (một) năm tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 591 của Bộ Luật Dân Sự, buộc Trần Công D bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông L, bà N 24 tháng lương cơ sở thành tiền là 35.760.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí: Bị cáo Trần Công D phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.788.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt (bà N) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh LA (01b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Các đương sự (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hữu Nghĩa

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện N Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ

ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí D, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh Th đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó Th đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó Th đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về Th mạng, sức khỏe, nhân phẩm, D dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và

thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)